

**Bản án số: 18 /2021/ DS-ST**

**Ngày 15/4/2021**

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.*

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh và ông Đồng Văn Diện.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 15/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXX-DS ngày 05/3/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-DS ngày 25/3/2021 giữa:

+ **Nguyên đơn:** Ông Phùng Ngọc T, sinh năm 1956 – (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 – (Vắng mặt).

Anh Lương Văn T, sinh năm 1968 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1955 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, Bắc Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 17/9/2020** và lời khai tiếp theo Nguyên đơn Ông Phùng Ngọc T trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ là người cùng thôn, nên vào ngày 26/6/2015 ông có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Lương Văn T vay số tiền 16.000.000 đồng để đi bắt lợn. Tiếp đến ngày 19/10/2015 chị T lại vay tiếp của ông số tiền

14.000.000 đồng. Tổng 30.000.000 đồng. Quá trình vay phía vợ chồng chị T, anh T mới thanh toán trả cho ông được 700.000 đồng tiền lãi.

Ngày 01/3/2016 ông cùng vợ chồng anh T, chị T chốt nợ, chị T và anh T đều ký giấy vay tổng số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc, thỏa thuận lãi suất 1,1%/tháng, không hẹn ngày thanh toán. Hiện tại chị T, anh T đã ra Tòa ly hôn. Nay ông yêu cầu anh T, chị T phải thanh toán trả cho ông tổng số nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi suất kể từ ngày 01/3/2016 đến nay với mức lãi suất 0,75%/tháng.

Trước phiên tòa hôm nay ông T vẫn giữ nguyên các yêu cầu trên và trình bày vì anh T, chị T cố tình vắng mặt tại phiên tòa nên ông đề nghị HĐXX buộc anh T, chị T đều cùng phải có trách nhiệm trả tiền cho và ông yêu cầu phải trả tiền lãi suất theo đúng thỏa thuận của hai bên trong giấy vay là 1%/tháng, kể từ ngày 01/3/2016 đến nay.

**+ Tại bản tự khai ngày 21/12/2020 bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Thời điểm năm 2015 lúc đó chị và anh T vẫn chưa ly hôn với nhau, vợ chồng chị có buôn bán gà vịt và cũng đã nhiều lần vay tiền của ông T về để buôn bán và đều đã thanh toán sòng phẳng sau lại vay tiếp.

Khoảng đầu năm 2016 vợ chồng chị mâu thuẫn thì ông T có đến gia đình chị chốt số nợ tổng còn 30.000.000 đồng, ông T là người ghi giấy vay tiền cho chị và anh T ký người vay nợ, thỏa thuận lãi suất 1,1%/tháng nhưng không thỏa thuận về thời hạn thanh toán. Đến Năm 2018 chị và anh T ly hôn, khi ly hôn vợ chồng chị đều không đề nghị Tòa án Lạng Giang giải quyết về tài sản, số nợ chung nên chị thừa nhận hiện tại chị và anh T vẫn còn nợ ông Phùng Ngọc T số tiền nợ gốc vay trên.

Nay ông T yêu cầu cả chị và anh T cùng có trách nhiệm thanh toán trả tiền cho ông thì chị nhất trí và đề nghị Tòa án buộc mỗi người cùng phải có trách nhiệm, chị nhất trí trả ông T số tiền gốc 15.000.000 đồng cùng lãi suất theo quy định kể từ ngày vay đến nay và anh T cũng phải có trách nhiệm trả cho ông T như chị. Do hiện tại chị đi làm công ty, không có thời gian nghỉ nhiều nên chị xin phép Tòa án được vắng mặt trong tất cả các quá trình giải quyết vụ án của quý Tòa.

Trước phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T vắng mặt.

**+ Bị đơn anh Lương Văn T** cố tình không hợp tác nên không có lời khai.

**+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Hoàng Thị T** trình bày: Bà là vợ của ông Phùng Ngọc T, bà có biết việc ông T chồng bà cho vợ chồng anh T, chị T vay số tiền 30.000.000 đồng, nhưng đây là số tiền lương thương binh của ông T tiết kiệm được cho vay nên không liên quan gì đến bà, bà cũng không yêu cầu về quyền lợi của bà trong số tiền của ông T. Do vậy bà đề nghị Tòa án xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của quý Tòa.

Trước phiên tòa hôm nay bà Hoàng Thị T vắng mặt.

**+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Thẩm phán và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về thời hạn tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định. Việc gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng thời gian quy định.

- HĐXX thực hiện đúng quy định của pháp luật; thành phần HĐXX không có sự thay đổi với quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan trong chấp hành đúng quy định. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng do bị đơn không đến nên Tòa án không tiến hành hoà giải cho các bên được. Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**- Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:**

Đề nghị HĐXX: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Ngọc T. Buộc anh Lương Văn T và chị Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho ông Phùng Ngọc T số tiền còn nợ gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/3/2016 đến ngày 15/4/2021 là 18.430.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 48.430.000 đồng, cụ thể mỗi người phải trả ½ số nợ trên. Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị HĐXX buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, HĐXX nhận định:

**[1] Về thủ tục tiền tố tụng:** Xác định đơn khởi kiện của ông Phùng Ngọc T là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định. Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

**[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Quan hệ giao dịch dân sự giữa Phùng Ngọc T với anh Lương Văn T và chị Nguyễn Thị T là quan hệ giao dịch dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Địa chỉ nơi cư trú của bị đơn tại huyện Lạng Giang. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp:** Tại các bản tự khai của các bên thể hiện vào năm 2015 chị Nguyễn Thị T có vay tiền của ông Phùng Ngọc T nhiều lần, sau khi chốt nợ ngày 01/3/2016 chị Nguyễn Thị T và anh Lương Văn T có ký nhận với ông T tổng số tiền còn nợ lại là 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,1%/tháng nhưng không hẹn thời hạn thanh toán. Do đòi nhiều lần vợ chồng chị T anh T không trả nên ngày 10/11/2020 ông T gửi đơn khởi kiện ra Tòa án. Theo quy định tại Điều 184 Bộ luật TTDS thì việc ông T làm đơn khởi kiện đối với anh T, chị T vẫn còn thời hiệu khởi kiện, hiện tại chị T và anh T đã ly hôn, tuy nhiên cả hai vẫn cùng phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ riêng rẽ về số nợ đã vay của ông T theo Điều 287 BLDS và mối quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự;

**[4] Về nội dung vụ kiện:**

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Ngọc T, Hội đồng xét xử thấy:

Tại giấy biên nhận vay tiền lập ngày 01/3/2016, anh Lương Văn T và chị Nguyễn Thị T có ký vay ông Phùng Ngọc T số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), với lãi suất các bên thỏa thuận trong giấy là 1,1%/tháng, không thỏa thuận về thời hạn thanh toán. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền từ trước khi vợ chồng chị T ký chốt nợ ông T thừa nhận chị T đã thanh toán trả được cho ông số tiền lãi là 700.000 đồng. Nay ông T yêu cầu anh T, chị T cùng có trách nhiệm trả cho ông tổng số nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi suất kể từ ngày 01/3/2016 đến nay với mức lãi suất 1%/tháng.

[4.2] **Về các chứng cứ và lời khai cụ thể bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T thừa nhận thời điểm chị và anh Lương Văn T còn chung sống với nhau thì vợ chồng chị có vay của ông Phùng Ngọc T nhiều lần tiền để về làm ăn buôn bán phát triển kinh tế gia đình, tổng số tiền tính đến ngày 01/3/2016 vợ chồng chị còn nợ lại ông T là 30.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi suất hàng tháng là 1,1%. Hiện tại chị và anh Lương Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang giải quyết việc ly hôn và số nợ của ông T cho đến nay chị và anh T vẫn chưa trả được. Nay chị nhất trí với quan điểm của ông T là mỗi người phải có trách nhiệm trả ông T ½ số nợ gốc trên và tiền lãi suất theo quy định kể từ thời điểm chốt nợ cho đến nay.

[4.3] **Về các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thu thập được và căn cứ pháp luật giải quyết:**

HĐXX xét thấy, việc vay nợ giữa các bên là do các bên tự thỏa thuận với nhau về số tiền gốc và tiền lãi suất. Phía anh Lương Văn T quá trình Tòa án giải quyết vụ án hiện tại vẫn có mặt tại địa phương, mặc dù Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng anh T cố tình không hợp tác nên Tòa án không lấy được lời khai của anh T. Hiện chị Nguyễn Thị T và anh Lương Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang giải quyết việc ly hôn tại bản án số

51/2018/HNGĐ-ST ngày 31/7/2018 nhưng do chị T, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ nên Tòa án chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã thể hiện việc vay nợ chung của vợ chồng anh T, chị T thời điểm vẫn tồn tại mối quan hệ hôn nhân và mục đích vay tiền để phát triển kinh tế chung trong gia đình. Do vậy quan điểm của ông T và chị T yêu cầu anh T cùng phải có trách nhiệm liên đới thanh toán  $\frac{1}{2}$  số nợ và lãi suất tiếp theo là đúng quy định, cần chấp nhận.

*Về tiền lãi suất và số tiền nợ lãi:* Ông Phùng Ngọc T yêu cầu anh Lương Văn T và chị Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông số tiền nợ gốc vay là 30.000.000 đồng, lãi suất tại phiên tòa ông T yêu cầu tính mức lãi 1%/tháng kể từ thời điểm chốt nợ 01/3/2016. HĐXX xét thấy mức lãi suất của ông T yêu cầu cũng chính là mức lãi suất thỏa thuận trong giấy vay nợ giữa các bên và không quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS. Phía chị Nguyễn Thị T đồng ý theo quan điểm của ông T, HĐXX xét là phù hợp.

Cụ thể: 30.000.000 đồng x 1%/tháng x 5 năm 01 tháng 13 ngày = 18.430.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền cả gốc và lãi là 48.430.000 đồng (Bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

Để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án; áp dụng điều 357 và điều 468 BLDS.

**[5] Về án phí:** Do yêu cầu của ông T được chấp nhận, ông T là người cao tuổi nên không phải chịu án phí. Anh Lương Văn T và chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**[6] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được niêm yết, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do vậy HĐXX xử vắng mặt đương sự, căn cứ các quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 357 và Điều 287 Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Điều 184, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Ngọc T.**

Buộc anh Lương Văn T và chị Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Phùng Ngọc T tổng số tiền gốc vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi là

18.430.000 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi là 48.430.000 đồng (Bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi ngàn đồng). Cụ thể chị Nguyễn Thị T phải trả số tiền 24.215.000 đồng, Anh Lương Văn T phải trả số tiền 24.215.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ T hợp pháp luật có quy định khác.

**2. Về án phí:** Ông Phùng Ngọc T không phải chịu tiền án phí DSST.

Anh Lương Văn T và chị Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 1.210.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án vắng mặt hoặc được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự.
- Lưu
- Các đương sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Hằng.**